

Số: /TB-UBND

Thanh Miện, ngày tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường
(lĩnh vực phòng Kinh tế thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã)

Căn cứ Quyết định số 4036/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Chủ tịch UBND xã Thanh Miện Thông báo công khai danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường (lĩnh vực phòng Kinh tế thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã), cụ thể như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính cấp xã (15 TTHC);

(Chi tiết phụ lục kèm theo)

Chủ tịch UBND xã Thông báo công khai tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công và Cổng thông tin điện tử của UBND xã Thanh Miện tại địa chỉ: <https://thanhmien.haiphong.gov.vn>. để các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND xã;
- Trung tâm PVHCC xã;
- Cổng TTĐT xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, KT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Anh Tuấn

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ
CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THỦ TỤC CẤP XÃ
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày 13/10/2025
của Chủ tịch UBND xã Thanh Miện)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC/Dịch vụ công	Cơ quan thực hiện
I	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học		
1	1.004082	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	
II	Lĩnh vực Môi trường		
2	1.010736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	
III	Lĩnh vực Tài nguyên nước		
3	1.001662	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	
IV	Lĩnh vực Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
4	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa.	
V	Lĩnh vực Nông nghiệp		
5	1.003596	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã).	
VI	Lĩnh vực Thủy sản		
6	1.004478	Công bố mở cảng cá loại III	
VII	Lĩnh vực Quản lý dê điều và phòng, chống thiên tai		
7	1.010091	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.	
8	1.010092	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội.	
VIII	Lĩnh vực Thủy lợi		

STT	Mã TTHC	Tên TTHC/Dịch vụ công	Cơ quan thực hiện
9	2.001621	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	
10	1.003440	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	
11	2.001627	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	
12	1.003471	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	
13	1.003347	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	
14	1.013768	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	
15	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC/Dịch vụ công	Cơ quan thực hiện
2	1.010736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	
III	Lĩnh vực Tài nguyên nước		
3	1.001662	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	
IV	Lĩnh vực Trồng trọt và bảo vệ thực vật		
4	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa.	
V	Lĩnh vực Nông nghiệp		
5	1.003596	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã).	
VI	Lĩnh vực Thủy sản		
6	1.004478	Công bố mở cảng cá loại III	
VII	Lĩnh vực Quản lý đề điều và phòng, chống thiên tai		
7	1.010091	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.	
8	1.010092	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội.	
VIII	Lĩnh vực Thủy lợi		
9	2.001621	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	
10	1.003440	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	
11	2.001627	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC/Dịch vụ công	Cơ quan thực hiện
		và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	
12	1.003471	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	
13	1.003347	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	
14	1.013768	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	
15	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	